

Số: 84/QĐ-STTTT

An Giang, ngày 02 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai giảm dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp
năm 2024 của Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-STTTT ngày 31/07/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc giảm dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024 của Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giảm dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2024 của Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông số tiền chi tiết như sau:

- Dự toán thu: 0 đồng
- Dự toán chi: -3.350.000.000 đồng (Giảm Ba tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại trụ Sở; Cổng TTĐT Sở;
- Lưu: Văn thư.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hải

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 84 /QĐ-STTTT ngày 02 /08/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Đvt: triệu đồng

Stt	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng					
				Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông					
				Khoản 085	Khoản 171	Khoản 191	Khoản 314	Khoản 341	Khoản 428
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0					0	
1	Số thu phí, lệ phí, thu khác	0	0					0	
	Thu phí, lệ phí	0	0						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0						
2.1	Chi sự nghiệp	0	0						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
	Trong đó: 40% (hoặc 35% đối với ngành y tế) để thực hiện CCTL	0	0						
b	KP không thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
2.2	Chi quản lý hành chính	0	0						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
	Trong đó: 40% (hoặc 35% đối với ngành y tế) để thực hiện CCTL	0	0						
b	KP không thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0						
	Phí, Lệ phí	0	0						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-3,350	-3,350	0	0	0	-3,350	0	0
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề (Loại 070 - Khoản 085)	0	0	0		0			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0						
b	KP nhiệm vụ không thường xuyên	0	0						
2	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (Loại 160 - Khoản 171)	0	0	0	0	0			
a	KP nhiệm vụ không thường xuyên	0	0						
3	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình (Loại 190 - Khoản 191)	0	0			0			
	KP nhiệm vụ không thường xuyên	0	0						
4	Chi Sự nghiệp công nghệ thông tin (Loại 280 - Khoản 314)	-3,350	-3,350				-3,350		0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0				0		
	+ Trong đó chưa trừ tiết kiệm 10% để thực hiện CCTL	0	0				0		
b	KP nhiệm vụ không thường xuyên	-3,350	-3,350				-3,350		
5	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - khoản 341)	0	0			0		0	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0					0	
	Trong đó chưa trừ tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện CCTL	0	0						
	- Kinh phí mua sắm tài sản	0	0						
b	KP không thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
6	Chi sự nghiệp tài chính và khác (Loại 400 - Khoản 428)	0	0		0				0
	KP không thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN			1034150					
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch			0761					